TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. THÁI NGUYÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 604/2018/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 09 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án ly hôn thụ lý số số 592/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thúy Q, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Tổ X, phường H, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn N, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Tổ X, phường H, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các điều 55,57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thúy Q và anh Nguyễn Tuấn N

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thúy Q và anh Nguyễn Tuấn N nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung, tên là Nguyễn Gia H, sinh ngày 07/9/2014. Sau khi ly hôn các đương sự tự thỏa thuận chị Q là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 07/9/2014 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q và anh N tự thỏa thuận, anh N có nghĩa vụ

cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), cho đến khi cháu Hưng trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, chị Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh N không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, thì anh N còn phải chịu khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự xác định không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Q nhận nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con vào ngân sách Nhà nước (chuyển từ tạm ứng án phí sang) theo biên lai thu số 0006692 ngày 09/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TN;
- TAND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- UBND Phường Hoàng Văn Thụ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Quý My